TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-PT
Ngày 30-8-2018
V/v: " *Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Nhung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa, bà Từ Thị Hải Dương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 03/2018/TLPT-TC ngày 07/3/2018 về việc:*"Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản và hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 386/2018/QĐ-PT ngày 04/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị C.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn V (theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 6 năm 2018).

Địa chỉ: số 18 đường L, phường 5 thành phố Đ, Tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Lê Tấn P –Văn phòng luật sư T. Địa chỉ: số 18 đường L, phường 5 thành phố Đ, Tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn V và bà Bùi Thị B.

Địa chỉ: Đội 3, Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Nguyễn Thái T –Văn phòng luật sư T. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

Vợ chồng ông Lê Văn D , bà Hoàng Thị L

Địa chỉ: Đội 1, Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Bà Trương Thị H.

Địa chỉ: Đội 3, Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Bà Võ Thị N.

Địa chỉ: Đội 3, Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Bà Phan Thị K.

Địa chỉ: Đội 2, Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Ông Hoàng Quang H

Địa chỉ: Đội 1 Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Chị Lê Thị H

Địa chỉ: Đội 4, Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy thì nội dung vụ án như sau:

** Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị C, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2008, vợ chồng bà là đại lý phân bón do Công ty vật tư nông nghiệp tỉnh Quảng Trị cung cấp. Sau khi được làm đại lý phân bón thì giữa vợ chồng bà và vợ chồng bà B, ông V đã cùng nhau lập biên bản hợp đồng phân bón với nội dung " .... Hai bên đã làm việc và đi đến thống nhất các nôi dung Bên A cung cấp phân bón cho bên B..... Thời gian thanh toán bên B thống nhất thanh toán khoản nợ gốc và lãi chậm nhất vào ngày 30/6/2009 hình thức thanh toán bằng tiền mặt cân lúa và lạc....", trong quá trình thực hiện hợp đồng thời gian đầu bà B, ông V thanh toán đầy đủ, đến giữa năm 2010, bà B, ông V xin trích lại một phần tiền bán hàng để đầu tư vào bất động sản là xây dựng trại chăn nuôi để vay vốn ngân hàng nhằm bổ sung vốn trở lại cho đại lý phân bón, ý kiến của bà B, ông V đưa ra vợ chồng ông, bà đã khảo sát thực tế thấy hợp lý nên vợ chồng ông, bà đồng ý cho nợ chậm thanh toán mua hàng nhưng thời hạn không vượt quá một vụ thu hoạch lúa (tức là không quá 06 tháng). Sau nhiều lần không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng thì đến ngày 20/01/2017 hai bên lập văn bản xác nhận công nợ bà B, ông V còn nợ tiền mua phân bón là: 1.388.021.000 đồng, trong đó nợ gốc là: 780.419.000 đồng, nợ lãi 607.602.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng bà B, ông V có vay của vợ chồng bà nhiều lần (từ ngày 25/5/2011 đến

20/12/2012) với tổng số tiền hai bên đã chốt tại Giấy chốt nợ tiền vay ngày 15/5/2017 là 414.676.352 đồng, trong đó tiền gốc 286.564.000 đồng, nợ lãi 128.112.352 đồng.

Do chậm thanh toán các khoản tiền mua hàng, tiền vay các đợt tại giấy chốt nợ, nên vợ chồng bà có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy yêu cầu buộc bà B, ông V trả các khoản nợ tiền vay, tiền lãi suất; nợ tiền hàng do chậm thanh toán và lãi suất như đã nêu ở trên.

** Về phía bị đơn bà B, ông V trình bày tại bản tự khai như sau:*

Năm 2008, giữa vợ chồng bà và vợ chồng bà C có lập hợp đồng nhận mua bán phân bón, trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng bà đã nhiều lần thanh toán, tuy nhiên còn nợ lại số tiền mua phân bón chưa trả được 780.419.000 đồng và số tiền lãi mà vợ chồng bà đã ký xác nhận tại Đơn công nợ ngày 20/01/2017 là 607.602.000 đồng, nhưng theo bà đây là khoản tiền nợ chung của cả hai bên với Công ty cổ phần vật tư kỷ thuật nông nghiệp tỉnh Quảng Trị. Ông, bà cho rằng việc hai bên ký vào bản công nợ là do bà C năn nỉ *"ký cho chị kẻo Công ty phân bón kiện chị ra Tòa"*, nghĩ thương tình chị em thân thích nên vợ chồng bà ký giúp cho bà C, ông T.

Về giấy chốt nợ các khoản nợ vay bà B, ông V thừa nhận chữ ký của hai vợ chồng xác nhận nợ nhưng do bà C, ông T nợ ngân hàng quá nhiều nên làm giấy đưa ra nhà ông bà năn nỉ *"Ký giúp chị với để chị trình ngân hàng không thì Ngân hàng kiện chị ra Tòa, yên tâm, chị không bao giờ đòi em đâu"*.

Đối với đơn công nợ và giấy chốt nợ thì giấy chốt nợ có sau (ngày 10/5/2017) như vậy đơn công nợ ngày 20/01/2017 không còn giá trị, mà khoản nợ được hai bên chốt lại giấy ngày 10/5/2017 là 414.676.352 đồng. Tuy nhiên, ông bà không nhất trí các khoản trong giấy chốt nợ này là:

- Khoản nợ 21.564.000 đồng, đây là khoản tiền án phí của bà C, ông T bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử buộc bà C, ông T phải chịu án phí mà sao lại ghi nợ cho ông, bà?

- Khoản nợ 35.000.000 đồng là không đúng mà chỉ nợ 30.000.000 đồng nhưng ông, bà đã bán 8 con trâu cho bà C 80.000.000 đồng, trừ nợ 30.000.000 đồng còn lại 50.000.000 đồng bà C trả lại nên không nợ 35.000.000 đồng.

- Khoản nợ 3 tấn lúa 18.000.000 đồng là ông, bà nợ của bà Nguyễn Thị H em ruột bà C và đã trả 1,2 tấn lúa còn nợ chị H 1,8 tấn lúa chứ không nợ bà C.

- Khoản nợ 100.000.000 đồng, thực tế ông bà không nợ khoản nợ này, lý do là bà C nhờ Phan Thị K ở Phú Hòa vay Ngân hàng 200.000.000 đồng, bà C trả nợ với chị K ông bà không có liên quan.

- Khoản nợ 16.000.000 đồng là khoản tiền bà C đưa cho bà N mượn 16.000.000 đồng ông bà không liên quan.

- Khoản tiền 67.000.000 đồng, đây là khoản tiền bà C vay của ông T ở Quảng Trị, ông bà không liên quan.

Tổng số tiền ông, bà không nợ bà C 6 khoản là 257.564.000 đồng.

Như vậy số tiền ông, bà còn nợ bà C, ông T 286.564.000 đồng – 257.564.000 đồng = 29.000.000 đồng. Đồng thời không chấp nhận khoản lãi 128.676.352 đồng như nguyên đơn yêu cầu.

Ngoài ra bị đơn yêu cầu đưa những người có quyền lợi liên quan vào tham gia trong vụ án với địa vị pháp lý là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bởi vì bà C còn nợ tiền những người này chưa trả, do khi mượn bà B, ông V bảo lãnh nên bà B, ông V đã trả cho những người này thay bà C. Qua xem xét tư cách tham gia tố tụng, Tòa án sơ thẩm đã đưa những ngày vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án, gồm có: bà Võ Thị N, bà Trương Thị H, chị Lê Thị H, ông Hoàng Quang H, bà Hoàng Thị L, bà Phan Thị K những người này đều khai bà C hiện nay còn nợ tiền của bà B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự ; các Điều 430, Điều 431, Điều 440 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn T, buộc bà Bùi Thị B, ông Lê Văn V phải trả cho bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn T số tiền mua phân bón còn nợ: 1.388.021.000 đồng, trong đó nợ gốc: 780.419.000 đồng, nợ lãi theo thỏa thuận trong đơn công nợ 607.602.000 đồng.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn T, buộc bà Bùi Thị B, ông Lê Văn V phải trả cho bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn T số tiền 414.676.352 đồng, trong đó nợ gốc: 286.564.000 đồng, nợ lãi theo thỏa thuận trong giấy chốt nợ 128.112.352 đồng.

Tổng cộng cả hai khoản bà Bùi Thị B, ông Lê Văn V phải trả cho bà NguyễnThị C, ông Trần Văn T là 1.388.021.000 đồng + 414.676.352 đồng = 1.802.697.352 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26, điểm d 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí lệ phí Tòa án của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bà Bùi Thị B, ông Lê Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 66.080.920 đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí 21. 990.000 đồng (ông Trần Văn T đã nộp) theo biên lai số: 0001570 ngày 11/8/2017 và số tiền tạm ứng án phí 12.143.520 đồng (ông Trần Văn T đã nộp) theo biên lai số: 0001580 ngày 23/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy. Tổng cộng cả hai khoản là 34.133.520 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/02/2018, bà Bùi Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét vì vợ chồng ông bà không nợ bà C ông T số tiền 1,8 tỷ đồng, bà C và ông T đã lừa gạt vợ chồng ông bà ký vào đơn công nợ và giấy nợ tiền vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Bùi Thị B, ông Lê Văn V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn T ủy quyền cho ông Trần Văn V, ông V đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày*:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn với lý do giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện giao kết hợp đồng mua bán phân bón, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên hai bên đã chốt lại giấy công nợ ngày 20/01/2017, và giấy vay tiền trong các lần được chốt nợ tiền vay ngày 10/5/2017, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Cấp sơ thẩm đã vi phạm một số thủ tục tống tụng về người đại diện ủy quyền, không đưa Công ty vật tư nông nghiệp Quảng Trị vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Việc vắng mặt của Viện kiểm sát tham gia tố tụng là vi phạm điều 21 và điều 58 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung Tòa sơ thẩm tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ vì Công ty vật tư nông nghiệp Quảng Trị không tính lãi suất đối với bà C nhưng bà C lại tính lãi với bà B. Do sai sót một số thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Hủy bản án sơ thẩm của tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy để giải quyết lại nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:*

+ Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy.

Su khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Các vấn đề về quyền khởi kiện, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn không đồng ý bản án sơ thẩm buộc vợ chồng bà phải trả cho ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị C số tiền 1.802.697.352 đồng là không đúng sự thật khách quan, bởi lý do bà Nguyễn Thị C lợi dụng sự tín nhiệm của vợ chồng ông, bà để lừa gạt vợ chồng bà ký vào đơn công nợ và giấy nợ tiền vay, theo nội dung kháng cáo của bị đơn đưa ra, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do có mối quan hệ làm ăn từ trước, nên trong năm 2008 vợ chồng ông T bà C và vợ chồng bà B, ông V đã thực hiện giao kết hợp đồng mua bán phân bón với nội dung " .... Bên A cung cấp phân bón cho bên B..... Thời gian thanh toán bên B thống nhất thanh toán khoản nợ gốc và lãi chậm nhất vào ngày 30/6/2009 hình thức thanh toán bằng tiền mặt cân lúa và lạc....". Trong quá trình thực hiện việc mua bán cung cấp phân bón theo hợp đồng trên, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng không được nên các bên đã chốt Đơn công nợ ngày 20/01/2017 với số tiền mà hai bên đã ký xác nhận tổng số tiền do chậm thanh toán từ năm 2008 đến năm 2009 là 780.419.000 đồng và tiền lãi 607.602.000 đồng. Tổng cộng 1.388.021.000 đồng. Như vậy nguyên đơn và bị đơn đều ký vào đơn công nợ thừa nhận số nợ chưa được thanh toán do mua bán phân bón như đã nêu ở phần trên được các đương sự có quyền lợi đối lập đều ký vào văn bản đây được coi tình tiết sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên theo bị đơn trình bày khoản tiền này thực chất là khoản nợ chung đối với Công ty vật tư kỷ thuật nông nghiệp tỉnh Quảng Trị (BL số 121) nhưng không được nguyên đơn thừa nhận, trong khi đó lời trình bày của Công ty vật tư kỷ thuật nông nghiệp Quảng Trị tại văn bản xác nhận số 12/2017/VBXN ngày 19/10/2017 thì thấy rằng giữa công ty với bà B, ông V không ký hợp đồng mua bán và không cùng với vợ chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị C có khoản nợ chung với Công ty cổ phần vật tư kỷ thuật Nông nghiệp tỉnh Quảng Trị. Vì vậy ý kiến bị đơn đưa ra không có căn cứ.

[3]. Về khoản vay theo giấy chốt nợ ngày 10/5/2017 mà bị đơn vay các đợt: ngày 25/5/2011; ngày 19/6/2011; ngày 20/7/2011; ngày 23/11/2011; tháng 4/2012;ngày 29/9/2012; ngày 18/12/2012; ngày 20/12/2012.Tổng cộng 414.676.352 đồng, trong đó nợ tiền gốc 286.564.000 đồng, tiền lãi 128.676.352 đồng. Khoản tiền theo giấy chốt nợ này không được bị đơn thừa nhận, đồng thời bị đơn cho rằng do vợ chồng tin tưởng vợ chồng nguyên đơn nên nguyên đơn ông C bà T đã lợi dụng sự tín nhiệm để lừa dối vợ chồng ông, bà ký vào giấy chốt nợ. Theo nội dung này, Hội đồng xét xử thấy tại thời điểm các bên tham gia giao dịch, phía vợ chồng ông V, bà B hoàn toàn bình thường đủ tỉnh táo, không có dấu hiệu bị ép buộc, và đủ khả năng nhận thức về hành vi việc làm của mình, do đó bị đơn đưa ra không có căn cứ.

[4]. Về tiền lãi suất được các bên thừa nhận tại các đơn công nợ lập ngày 20/01/2017 lãi suất được tính bằng 11,75%/năm không vượt quá khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, và lãi suất tại giấy chốt nợ ngày 10/5/2017 chỉ tính 0,8%/tháng cũng không vượt quá khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng mà các bên đã đối chiếu công nợ ngày 20/01/2017 và khoản tiền vay được chốt tại giấy vay nợ ngày 10/5/2017 giữa ông, bà Nguyễn Thị C, Trần Văn T với ông, bà Bùi Thị B, Lê Văn V đã được giao kết bằng giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn ông, bà bà Bùi Thị B, ông Lê Văn V phải thanh toán

tiền hàng chậm thanh toán, tiền vay nợ và tiền lãi suất mà các bên đã ký nhận là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[4]. Về án phí: Bà Bùi Thị B kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự ; các Điều 430, Điều 431, Điều 440 và Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn T, buộc bà Bùi Thị B, ông Lê Văn V phải trả cho bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn T số tiền mua phân bón còn nợ: 1.388.021.000 đồng, trong đó nợ gốc: 780.419.000 đồng, nợ lãi theo thỏa thuận trong đơn công nợ 607.602.000 đồng.

2. Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn T, buộc bà Bùi Thị B, ông Lê Văn V phải trả cho bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn T số tiền 414.676.352 đồng, trong đó nợ gốc: 286.564.000 đồng, nợ lãi theo thỏa thuận trong giấy chốt nợ 128.112.352 đồng.

Tổng cộng cả hai khoản bà Bùi Thị B, ông Lê Văn V phải trả cho bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn T là 1.388.021.000 đồng + 414.676.352 đồng = 1.802.697.352 đồng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26, điểm d 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí lệ phí Tòa án của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bà Bùi Thị B, ông Lê Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 66.080.920 đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí 21. 990.000 đồng (ông Trần Văn T đã nộp) theo biên lai số: 0001570 ngày 11/8/2017 và số tiền tạm ứng án phí 12.143.520 đồng (ông Trần Văn T đã nộp) theo biên lai số: 0001580 ngày 23/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy. Tổng cộng cả hai khoản là 34.133.520 đồng.

Bà B, ông V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Võ Thị Kim Nhung

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình (P 9);
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- TAND huyện Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, án văn, VP